

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM
KHOA TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**

๐๓๘๐



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
HỆ ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG
NGÀNH KẾ TOÁN**

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2018

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM TP.HCM
KHOA TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

☪☪



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
HỆ ĐẠI HỌC LIÊN THÔNG
NGÀNH KẾ TOÁN

*(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-DCT, ngày tháng năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh)*

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN 1. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1.1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO	1
1.1.1. Mục tiêu chung	1
1.1.2. Mục tiêu cụ thể	1
1.2. CƠ HỘI NGHỀ NGHIỆP, VỊ TRÍ VÀ KHẢ NĂNG LÀM VIỆC SAU KHI TỐT NGHIỆP.....	2
1.3. CHUẨN ĐẦU RA (CDR).....	2
1.3.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	2
1.3.2 Chuẩn đầu ra của môn học	3
1.4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO	4
1.5. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA	4
1.6. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH.....	4
1.7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP	4
1.7.1. Quy trình đào tạo	4
1.7.2. Điều kiện tốt nghiệp	4
1.8. THANG ĐIỂM.....	4
1.9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	4
1.9.1. Khối kiến thức cơ bản.....	4
1.9.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	4
1.10. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY	6
1.10.1. HỌC KỲ 1	6
1.10.2. HỌC KỲ 2	6
1.10.3. HỌC KỲ 3.....	7
PHẦN 2. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN	8
2.1. HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN 1	8
2.2. KẾ TOÁN CHI PHÍ	9
2.3. KẾ TOÁN QUẢN TRỊ	9
2.4. KẾ TOÁN NGÂN HÀNG	11
2.5. KIỂM TOÁN	12
2.6. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH	13

2.7. MÔ HÌNH TÀI CHÍNH	14
2.8. KẾ TOÁN QUỐC TẾ 1	15
2.9. KẾ TOÁN QUỐC TẾ 2	16
2.10. KẾ TOÁN CÔNG	17
2.11. HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN 2	18
2.12. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH	19
2.13. THỰC HÀNH KẾ TOÁN TÀI CHÍNH.....	20
PHẦN 3. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	21
3.1. ĐỐI VỚI CÁC ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO.....	21
3.2. ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN	21
3.3. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ.....	22
3.4. ĐỐI VỚI SINH VIÊN.....	22

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP
THỰC PHẨM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành theo Quyết định số: /QĐ-DCT, ngày tháng năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình	: Kế toán
Trình độ đào tạo	: Đại học liên thông
Ngành đào tạo	: Kế toán
Tên ngành bằng tiếng Anh	: Accounting
Mã số	: 7340301
Loại hình đào tạo	: Chính quy tập trung

PHẦN 1. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Kế toán tài chính có kiến thức và kỹ năng làm việc trong lĩnh vực Kế toán; Biết vận dụng các kiến thức đã học vào quá trình tổ chức, quản lý các hoạt động Kế toán của một đơn vị, nhằm đạt được chất lượng và hiệu quả kinh tế cao trong điều kiện phát triển kinh tế bền vững của đất nước và hội nhập quốc tế.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

Phẩm chất: Có phẩm chất đạo đức, chính trị và sức khỏe để làm việc và học tập suốt đời; Có sự hiểu biết về ngành nghề và trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện công việc Kế toán.

Kiến thức: Sinh viên được đào tạo đầy đủ kiến thức về ngành kế toán tài chính. Được trang bị đầy đủ kiến thức chuyên ngành để tạo ra sản phẩm có chất lượng, phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của đất nước và phù hợp với xu thế toàn cầu hóa.

Kỹ năng:

– Có phương pháp làm việc khoa học, tư duy sáng tạo, biết tính toán, phân tích - đánh giá và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn, có khả năng hòa nhập vào cộng đồng, tự bồi dưỡng và nâng cao trình độ.

– Có kỹ năng chuyên môn, thực hành; Cụ thể :

- ✓ Biết tổ chức hạch toán, xây dựng, điều hành và thực hiện công việc kế toán; Hoạch định chính sách kế toán trong đơn vị; Phân tích được tình hình tài chính trong doanh nghiệp.
- ✓ Biết tổng hợp các kiến thức về ngành và chuyên ngành kinh tế tài chính – Kế toán để phân tích, đánh giá tình hình tài chính và tình hình kinh doanh của một đơn vị cụ thể
- ✓ Biết vận dụng được các phần mềm, bảng tính và phần mềm chuyên dụng của ngành kế toán để ghi nhận, lập được sổ sách kế toán và báo cáo kế toán cơ bản
- ✓ Biết phân tích, tổng hợp và đánh giá thông tin tài chính kế toán để cung cấp thông tin kinh tế tài chính cho nhà quản lý ra quyết định. Đồng thời đề xuất cho nhà quản trị tổ chức bộ máy kế toán phù hợp.

Thái độ:

– Có tinh thần trách nhiệm; Thái độ khách quan, trung thực và đạo đức trong việc hành nghề kế toán.

1.2. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp

- Đảm nhiệm vị trí kế toán viên và kế toán trưởng, giám đốc tài chính ở các doanh nghiệp. Ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán tài chính có thể làm chuyên viên phân tích tài chính tại các ngân hàng thương mại, làm việc tại cơ quan thuế và các tổ chức kinh tế khác.
- Sau khi tốt nghiệp đại học, sinh viên có thể học tiếp lên trình độ sau đại học trong lĩnh vực tài chính – kế toán tại các trường đại học, viện nghiên cứu trong và ngoài nước.

1.3. Chuẩn đầu ra (CĐR)

1.3.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

1.3.1.1 Biết tổng hợp các kiến thức về ngành và chuyên ngành kinh tế tài chính – Kế toán để

ghi chép vào sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính

1.3.1.2 Biết nhận diện, diễn đạt và theo kịp với sự thay đổi của nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế

1.3.1.3 Biết vận dụng được các phần mềm, bảng tính và phần mềm chuyên dụng của ngành kế toán để ghi nhận, lập được sổ sách kế toán và báo cáo kế toán cơ bản

1.3.1.4 Có sự hiểu biết về ngành nghề và trách nhiệm đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện công việc Kế toán.

1.3.1.5 Biết phân tích, tổng hợp và đánh giá thông tin tài chính kế toán để cung cấp thông tin kinh tế tài chính cho nhà quản lý ra quyết định. Đồng thời đề xuất cho nhà quản trị tổ chức bộ máy kế toán phù hợp

1.3.2 Chuẩn đầu ra của môn học

Ma trận chương trình đào tạo – chuẩn đầu ra của các môn học

STT	Môn học/Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình				
		1.3.1.1	1.3.1.2	1.3.1.3	1.3.1.4	1.3.1.5
1	Anh văn B2		x			
2	Kỹ năng giao tiếp				x	
3	Luật kinh tế					x
4	Kinh tế lượng					x
5	Marketing căn bản		x			
6	Đạo đức kinh doanh				x	
7	Hệ thống thông tin kế toán 1	x		x		x
8	Kế toán quản trị	x				x
9	Kế toán chi phí	x				x
10	Kiểm toán	x	x			
11	Kế toán ngân hàng	x	x			
12	Kế toán quốc tế 1	x	x			
13	Thị trường tài chính					x
14	Mô hình tài chính			x		x
15	Kế toán quốc tế 2	x	x			
16	Kiểm soát nội bộ	x	x	x		x
17	Phân tích tài chính					x
18	Kế toán công	x	x			
19	Hệ thống thông tin kế toán 2	x		x		x
20	Thực hành kế toán tài chính	x		x		x

1.4. Thời gian đào tạo: 1.5 năm

1.5. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 45 tín chỉ

- Khối kiến thức cơ bản và cơ sở ngành: 12 tín chỉ – chiếm 26%
- Khối kiến thức ngành: 33 tín chỉ – chiếm 74%

1.6. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Cao đẳng chính quy.

1.7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

1.7.1. Quy trình đào tạo

Theo Quy chế đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ (*Ban hành kèm theo Quyết định số 46 ngày 12 tháng 01 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. Hồ Chí Minh*).

Quá trình đào tạo được chia làm 3 học kỳ:

- Khối kiến thức cơ bản và cơ sở của khối ngành: Học kỳ 1
- Khối kiến thức ngành: Học kỳ 2, 3

1.7.2. Điều kiện tốt nghiệp

- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ: Toeic 450;
- Đạt chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (Theo Quyết định số...);
- Hoàn thành số tín chỉ tích lũy theo chương trình đào tạo (45 tín chỉ);
- Hoàn thành nghĩa vụ đóng học phí và các loại phí theo quy định của nhà trường.

1.8. Thang điểm: Theo Quy chế Đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ (*Ban hành kèm theo Quyết định số 46 ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Tp. Hồ Chí Minh*).

1.9. Nội dung chương trình đào tạo

1.9.1. Khối kiến thức cơ bản : 3 tín chỉ

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	KHÁC
1	21200004	Anh văn B2	3	2	1	

1.9.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 42 tín chỉ

1.9.2.1 Khối kiến thức cơ sở của ngành: 9 tín chỉ

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH/ BÀI TẬP	KHÁC
Môn bắt buộc: 7 tín chỉ						
1	13200041	Kỹ năng giao tiếp	2	2	0	
2	13200046	Luật kinh tế	2	2	0	
3	13200053	Kinh tế lượng	3	2	1	
Môn tự chọn: 2 tín chỉ (Sinh viên chọn một trong các môn sau)						
1	13200004	Marketing căn bản	2	2	0	
2	13200056	Đạo đức kinh doanh	2	2	0	

1.9.2.2. Kiến thức ngành: 16 tín chỉ

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH/ BÀI TẬP	KHÁC
Môn bắt buộc: 13 tín chỉ						
1	07200039	Hệ thống thông tin kế toán 1	3	2	1	
2	07200054	Kế toán chi phí	3	2	1	
3	07200055	Kế toán quản trị	2	1	1	
4	07200008	Kiểm toán	2	1	1	
5	07200032	Kế toán ngân hàng	3	2	1	
Môn tự chọn: 3 tín chỉ (Sinh viên chọn một trong 2 môn sau)						
1	07200049	Kế toán quốc tế 1	3	2	1	
2	23200002	Thị trường tài chính	3	2	1	

1.9.2.3. Kiến thức chuyên ngành kế toán doanh nghiệp: 17 tín chỉ

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH/ BÀI TẬP	KHÁC
Môn bắt buộc: 14 tín chỉ						
1	07200025	Kiểm soát nội bộ	2	1	1	
2	07200062	Phân tích tài chính	3	2	1	

3	07200014	Kế toán công	3	2	1	
4	07201012	Thực hành kế toán tài chính	3	0	3	
5	07200040	Hệ thống thông tin kế toán 2	3	2	1	
Môn tự chọn : 3 tín chỉ (Sinh viên chọn một trong các học phần sau)						
1	07200056	Kế toán quốc tế 2	3	2	1	
2	23200017	Mô hình tài chính	3	2	1	

1.10. Kế hoạch giảng dạy: Theo từng học kỳ

1.10.1. HỌC KỲ 1 – 17 Tín chỉ

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Môn học bắt buộc: 15 tín chỉ							
1	13200041	Kỹ năng giao tiếp	2	2	0		
2	13200046	Luật kinh tế	2	2	0		
3	13200053	Kinh tế lượng	3	3	0		
4	07200039	Hệ thống thông tin kế toán 1	3	2	1		
5	13200002	Anh văn B2	3	3	0		
6	07200025	Kiểm soát nội bộ	2	2	0		
Môn học tự chọn: 2 tín chỉ (Sinh viên chọn một trong 2 môn sau)							
1	13200004	Marketing căn bản	2	2	0		
2	13200056	Đạo đức kinh doanh	2	2	0		

1.10.2. HỌC KỲ 2 – 14 Tín chỉ

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Môn học bắt buộc: 11 tín chỉ							
1	07200065	Kế toán quản trị	2	2	0		
2	07200032	Kế toán ngân hàng	3	3	0		
3	07200064	Kế toán công	3	3	0		

4	07200040	Hệ thống thông tin kế toán 2	3	2	1		
Môn học tự chọn: 3 tín chỉ (Sinh viên chọn một trong 2 môn sau)							
1	07200049	Kế toán quốc tế 1	3	3	0		
2	23200002	Thị trường tài chính	3	3	0		

1.10.3. HỌC KỲ 3 – 14 Tín chỉ

Stt	Mã MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Môn học bắt buộc: 11 tín chỉ							
1	07200066	Kế toán chi phí	3	3	0		
2	07200067	Kiểm toán	2	2	0		
3	07200062	Phân tích tài chính	3	3	0		
4	07200068	Thực hành kế toán tài chính	3	0	3		
Môn học tự chọn: 3 tín chỉ (Sinh viên chọn một trong 2 môn sau)							
1	07200056	Kế toán quốc tế 2	3	3	0		
2	23200017	Mô hình tài chính	3	3	0		

PHẦN 2. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN**2.1. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN 1**

2.1.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Hệ thống thông tin kế toán 1

Tên tiếng Anh: Accounting Information System 1

2.1.2. Mã số học phần: 0101001795

2.1.3. Số tín chỉ: 3(2,1,6)

2.1.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 3

2.1.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.1.6. Điều kiện tiên quyết gồm: Không

Môn học tiên quyết:

Môn học trước: Kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản

Môn học song hành: Không

2.1.7. Phân bố thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 25 tiết

+ Thực hành/Bài tập: 30 tiết

+ Các hoạt động khác: (Thảo luận/Thuyết trình nhóm): 5 tiết

+ Tự học: 90 tiết

2.1.8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế về Kế toán trên Excel, giúp sinh viên biết cách tổ chức cơ sở dữ liệu kế toán trên môi trường Excel, truy xuất dữ liệu kế toán theo yêu cầu, lập các sổ sách kế toán và báo cáo tài chính trên Excel. Cụ thể bao gồm các nội dung sau:

- Tổ chức cơ sở dữ liệu kế toán trên máy tính thông qua MS Excel.
- Giới thiệu các hàm cơ bản của MS Excel ứng dụng trong kế toán
- Thao tác với sheet và các tính năng thông dụng trên MS Excel

- Cách thức lập sổ sách kế toán và báo cáo tài chính trên môi trường MS Excel.

2.2. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: KẾ TOÁN CHI PHÍ

2.2.1. Tên học phần:

Tên tiếng việt: **KẾ TOÁN CHI PHÍ**

Tên tiếng anh: Cost accounting

2.2.2. Mã số học phần:

2.2.3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

2.2.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 3

2.2.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.2.6. Điều kiện tiên quyết gồm:

Môn học tiên quyết: không

Môn học trước: Kế toán tài chính

Môn học song hành: không

2.2.7. Phân bổ thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành/ bài tập: 15 tiết

+ Các hoạt động khác: 00 tiết

+ Tự học: 90 tiết

2.2.8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Những vấn đề chung về kế toán chi phí.
- Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế.
- Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí ước tính.
- Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí định mức.

2.3. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

2.3.1. Tên học phần:

- Tên tiếng Việt: **Kế Toán Quản Trị**
 Tên tiếng Anh: Management Accounting
 2.3.2. Mã số học phần: **0101002050**
 2.3.3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)
 2.3.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 3
 2.3.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.3.6. Điều kiện tiên quyết gồm:

- Môn học tiên quyết: Không
 Môn học trước: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính 1
 Môn học song hành: Kế toán tài chính 2

2.3.7. Phân bố thời gian chi tiết:

- + Lý thuyết: 20 tiết
 + Thực hành/Bài tập: 15 tiết
 + Các hoạt động khác: (*Thảo luận/Thuyết trình nhóm*): 10 tiết
 + Tự học: 90 tiết

2.3.8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Môn kế toán quản trị là môn học cung cấp những kiến thức nền tảng về kế toán quản trị, qua đó tạo cơ sở để tiếp tục học tập, nghiên cứu các môn học chuyên sâu về kế toán quản trị cũng như ứng dụng vào công việc tại một doanh nghiệp. Nội dung cơ bản của môn kế toán quản trị bao gồm việc trình bày và giải thích những yêu cầu về thông tin kế toán cho việc thực hiện các chức năng quản lý trong doanh nghiệp, phương thức quản trị chi phí, các phương pháp kế toán quản trị được sử dụng để lập và lựa chọn phương án kinh doanh, lập dự toán, đánh giá trách nhiệm bộ phận, định giá sản phẩm, dịch vụ và quyết định giá bán trong các trường hợp đặc biệt, ứng dụng thông tin thích hợp cho việc ra các quyết định ngắn hạn và dài hạn. Môn học kế toán quản trị sẽ rất bổ ích cho những ai muốn tìm hiểu, nghiên cứu về kế toán và kinh doanh.

Kế toán quản trị là một trong những môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo

cử nhân Kế toán, Tài chính – Ngân hàng, Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Nó cung cấp những kiến thức nền tảng cần thiết, những nguyên tắc và khái niệm căn bản về kế toán quản trị trên phương diện là một khoa học và hiểu biết tổng quát về nghề nghiệp kế toán quản trị hiện nay ở Việt Nam, làm cơ sở cho người học có thể tiếp tục nghiên cứu những nội dung sâu hơn về kế toán quản trị cũng như tiến hành những nghiên cứu xa hơn về tài chính, kinh tế và quản lý.

2.4.ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN : KẾ TOÁN NGÂN HÀNG

2.1.9. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Kế toán ngân hàng**

Tên tiếng Anh: Bank Accounting

2.1.10.Mã số học phần: 0101002042

2.1.11.Số tín chỉ: 3(3,0,6)

2.1.12.Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 3

2.1.13.Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.1.14.Điều kiện tiên quyết gồm: Không

Môn học tiên quyết:

Môn học trước: Nguyên lý kế toán

Môn học song hành: Không

2.1.15.Phân bố thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 25 tiết

+ Thực hành/Bài tập: 15 tiết

+ Các hoạt động khác: (*Thảo luận/Thuyết trình nhóm*): 5 tiết

+ Tự học: 90 tiết

2.1.16.Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kế toán ngân hàng, nắm bắt được các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản đối với các hoạt động diễn

hình của một ngân hàng; thu thập, xử lý, đối chiếu, hạch toán được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại ngân hàng như: Kế toán nghiệp vụ huy động vốn; Kế toán dịch vụ thanh toán qua ngân hàng; Kế toán nghiệp vụ tín dụng; Kế toán các nghiệp vụ về ngoại tệ và kế toán về kết quả kinh doanh.

2.5. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN : KIỂM TOÁN

2.5.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Kiểm toán**

Tên tiếng Anh:

2.5.2. Mã số học phần: 0101002231

2.5.3. Số tín chỉ: 2(2,0,4)

2.5.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 2 Đại học chính quy.

2.5.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.5.6. Điều kiện tiên quyết gồm:

Môn học tiên quyết: Không

Môn học trước: Kế toán tài chính 1

Môn học song hành: Kế toán tài chính 2

2.5.7. Phân bố thời gian chi tiết:

+Lý thuyết: 20 tiết

+Thực hành/Bài tập: 15 tiết

+Các hoạt động khác: 10 tiết (*Thảo luận/Thuyết trình nhóm*)

+Tự học: 90

2.5.8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Hiểu được những kiến thức cơ bản về kiểm toán, tạo nền tảng để sinh viên tiếp tục học tập nghiên cứu các học phần kiểm toán sâu hơn, cao hơn theo chương trình đào tạo chuyên ngành kế toán kiểm toán bậc đại học. Hiểu được những kiến thức về kiểm toán và môi trường kiểm toán; Hiểu và vận dụng kiểm soát nội bộ để phục vụ cho việc kiểm toán.

Có khả năng lập được kế hoạch kiểm toán, Xác lập được mức trọng yếu và đánh giá rủi ro kiểm toán; Biết phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán và đánh giá được các loại ý kiến kiểm toán.

2.6. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN : THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

2.1.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Thị trường tài chính**

Tên tiếng Anh: Finance Market

2.1.2. Mã số học phần: **0101004550**

2.1.3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

2.1.4. Trình độ: dành cho sinh viên năm thứ 3

2.1.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bỏ trợ <input type="checkbox"/>

2.1.6. Điều kiện tiên quyết gồm: Không

Môn học tiên quyết:

Môn học trước: Kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, lý thuyết tài chính tiền tệ

Môn học song hành: Tài chính doanh nghiệp

2.1.7. Phân bố thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 20tiết

+ Thực hành/Bài tập: 10tiết

+ Các hoạt động khác: (Thảo luận/Thuyết trình nhóm): 15tiết

+ Tự học: 90 tiết

2.1.8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần này bao gồm các nội dung sau: Tổng quan thị trường phái sinh, vai trò và lợi ích của thị trường tài chính. Ước định giá các sản phẩm phái sinh, cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ. Chiến lược định giá khớp lệnh cổ phiếu kiểu Mỹ và kiểu Hà Lan.

2.7. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN : MÔ HÌNH TÀI CHÍNH

2.7.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Mô hình tài chính**

Tên tiếng Anh: Financial Modelling

2.7.2. Mã số học phần: **010100328901**

2.7.3. Số tín chỉ: 3 (3,0,6)

2.7.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 3

2.7.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.7.6. Điều kiện tiên quyết gồm: Phải hoàn thành môn học lý thuyết tài chính tiền tệ, thị trường tài chính, thị trường chứng khoán, tài chính doanh nghiệp 1, Phân tích và đầu tư chứng khoán

Môn học tiên quyết: Toán tài chính, Quy hoạch tuyến tính

Môn học trước: Thị trường tài chính, Thị trường chứng khoán

Môn học song hành: Tài chính doanh nghiệp 2, Phân tích tài chính, Phân tích và đầu tư chứng khoán, Đầu tư tài chính

2.7.7. Phân bố thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 45 tiết

+ Thực hành/Bài tập: 0 tiết

+ Các hoạt động khác: (Thảo luận/Thuyết trình nhóm): 0 tiết

+ Tự học: 90 tiết

2.7.8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần này bao gồm các nội dung sau:

- Lập mô hình tài chính
- Mô hình tối ưu hóa tuyến tính
- Mô hình tối ưu hóa phi tuyến tính

2.8. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: KẾ TOÁN QUỐC TẾ 1

2.8.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Kế toán quốc tế 1

Tên tiếng Anh: Financial Accounting 1

2.8.2. Mã số học phần: **0101002065**

2.8.3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

2.8.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 2 chuyên ngành kế toán

2.8.5. Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.8.6. Điều kiện tiên quyết gồm:

Môn học tiên quyết: Không

Môn học trước: Nguyên lý kế toán

Môn học song hành: Không

2.8.7. Phân bố thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Thực hành/Bài tập: 15 tiết

+ Các hoạt động khác: (Thảo luận/Thuyết trình nhóm, bài tập): 10 tiết

+ Tự học: 90tiết

2.8.8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Môn học giới thiệu tổng quát về Kế toán tài chính trong doanh nghiệp, cung cấp các kiến thức kế toán chuyên sâu qua các chuyên đề cụ thể như quy trình kế toán mua hàng; quy trình kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Thông qua mô tả và minh họa từng quy trình kế toán, môn học cung cấp cho sinh viên kỹ năng nhận diện sự kiện kinh tế phát sinh, lập các chứng từ, ghi chép sổ sách và trình bày các thông tin kế toán trên Báo cáo tài chính trong phạm vi chu trình kế toán mua hàng, tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm với thái độ tuân thủ và chấp hành đúng chế độ kế toán quy định hiện hành.

2.9. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: KẾ TOÁN QUỐC TẾ 2

2.9.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Kế toán quốc tế 2

Tên tiếng Anh: International Accounting 2

2.9.2. Mã số học phần: **07200051**

2.9.3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

2.9.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 3

2.9.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input checked="" type="checkbox"/>	Bỏ trợ <input type="checkbox"/>

2.9.6. Điều kiện tiên quyết gồm: Không

Môn học tiên quyết:

Môn học trước: Nguyên lý kế toán

Môn học song hành: Không

2.9.7. Phân bố thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 20tiết

+ Thực hành/Bài tập: 15tiết

+ Các hoạt động khác: (*Thảo luận/Thuyết trình nhóm*): 10 tiết

+ Tự học: 90 tiết

2.9.8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Môn Kế toán quốc tế là môn học cung cấp những kiến thức nền tảng về kế toán quốc tế, làm nền tảng cho việc nghiên cứu và ứng dụng vào thực tiễn công tác kế toán tại các doanh nghiệp nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, đồng thời trang bị kiến thức nền tảng giúp sinh viên biết nhận diện, diễn đạt theo kịp với sự thay đổi của nghề nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Kế toán quốc tế là một trong những môn học chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Kế toán. Thông qua việc nghiên cứu môn này sẽ giúp sinh viên tìm hiểu về các môn học khác về lĩnh vực quản lý, tài chính, ngân hàng để hỗ trợ kiến thức lẫn nhau.

2.10. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: KẾ TOÁN CÔNG

2.10.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: KẾ TOÁN CÔNG

Tên tiếng Anh: **Financial Accounting 1**

2.10.2. Mã số học phần: 07200032

2.10.3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

2.10.4. Trình độ: dành cho sinh viên năm thứ 3 chuyên ngành kế toán

2.10.5. Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.10.6. Điều kiện tiên quyết gồm:

Môn học tiên quyết: Không

Môn học trước: Nguyên lý kế toán

Môn học song hành: Không

2.10.7. Phân bố thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 20 tiết

+ Thực hành/Bài tập: 15 tiết

+ Các hoạt động khác: (Thảo luận/Thuyết trình nhóm, bài tập): 10 tiết

+ Tự học: 90 tiết

2.10.8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Môn học giới thiệu tổng quát về Kế toán hành chính sự nghiệp, cung cấp các kiến thức kế toán chuyên sâu qua các chuyên đề cụ thể như:

- Tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp
- Kế toán các loại tài sản
- Kế toán các khoản thanh toán
- Kế toán các nguồn kinh phí
- Kế toán các khoản thu- chi trong đơn vị hành chính sự nghiệp

- Kế toán hoạt động sản xuất kinh doanh
- Hệ thống báo cáo tài chính.

2.11. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN 2

2.11.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Hệ thống Thông tin Kế toán 2**

Tên tiếng Anh: Account Information System 2

2.11.2. Mã số học phần:

2.11.3. Số tín chỉ: 3(2,1,6)

2.11.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 3

2.11.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành kế toán

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.11.6. Điều kiện tiên quyết gồm:

Môn học tiên quyết:

Môn học trước: Hệ thống thông tin kế toán 2

Môn học song hành: Kế toán mô phỏng

2.11.7. Phân bố thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 20 tiết

+ Thực hành/Bài tập: 30 tiết

+ Các hoạt động khác: (Thảo luận/Thuyết trình nhóm): 10 tiết

+ Tự học: 120 tiết

2.11.8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Môn Hệ thống thông tin kế toán 2 là môn học cung cấp những kiến thức về hệ thống thông tin kế toán. Nội dung cơ bản của môn hệ thống thông tin kế toán 2 bao gồm việc trình bày và giải thích tổng quan về hệ thống thông tin kế toán, phương pháp thiết kế hệ thống kiểm soát nội bộ, hiểu và phân tích cơ sở dữ liệu, các chu trình kế toán cơ bản và cuối cùng là lựa chọn phần mềm kế toán cho doanh nghiệp. Môn học hệ thống thông tin kế toán 2 sẽ rất bổ ích cho những ai muốn nghiên cứu chuyên sâu về hệ thống của doanh nghiệp

Hệ thống thông tin kế toán 2 là một trong những môn học chuyên sâu trong chương trình đào tạo cử nhân kế toán, kiểm toán giúp cho sinh viên hiểu và thiết kế được các chu trình kế toán của doanh nghiệp. Sinh viên cũng được cung cấp kiến thức về cơ sở dữ liệu nhằm thiết kế được hệ thống kiểm soát cơ sở dữ liệu kế toán hay hệ thống kiểm soát nội bộ cho doanh nghiệp. Nó cũng giúp cho sinh viên có thể sử dụng những kiến thức đã học để lựa chọn hay sử dụng phần mềm kế toán phù hợp với tình hình của doanh nghiệp. Người học có thể làm việc trong các doanh nghiệp sử dụng phần mềm kế toán vừa và nhỏ hoặc là quản trị viên tin học trong doanh nghiệp.

2.12. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

2.12.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Phân tích tài chính

Tên tiếng Anh: Financial Analysis

2.12.2. Mã số học phần: 0103003519

2.12.3. Số tín chỉ: 3(3,0,6)

2.12.4. Trình độ: Dành cho sinh viên năm thứ 3

2.12.5. Học phần thuộc khối kiến thức: Chuyên ngành

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.12.6. Điều kiện tiên quyết gồm: Không

Môn học tiên quyết:

Môn học trước: Kế toán tài chính, Tài chính doanh nghiệp.

Môn học song hành: Không

2.12.7. Phân bố thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 20tiết

+ Bài tập: 15tiết

+ Các hoạt động khác: (Thảo luận/Thuyết trình nhóm): 10 tiết

+ Tự học: 90 tiết

2.12.8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Môn Phân tích tài chính là môn học thuộc khối kiến thức ngành, cung cấp các kiến thức chuyên môn về tài chính làm cơ sở cho việc “chẩn đoán sức khỏe” tài chính của một doanh nghiệp, cung cấp thông tin hữu ích cho việc ra các quyết định tài chính của các đối tượng có liên quan. Nội dung cơ bản của môn Phân tích tài chính bao gồm các vấn đề cơ bản về phân tích tài chính, các phương pháp phân tích, các nhóm tỷ số sử dụng trong phân tích tài chính doanh nghiệp và các chủ đề đặc biệt có liên quan đến các nhóm ra quyết định tài chính. Ngoài ra, môn học cũng góp phần rèn luyện kỹ năng thuyết trình, phản biện, đề xuất và giải quyết vấn đề, giao tiếp bằng văn bản và sử dụng excel trong lĩnh vực tài chính.

2.13. ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN: THỰC HÀNH KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

2.13.1. Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Thực hành kế toán tài chính

Tên tiếng Anh: Practice Financial Accounting

2.13.2. Mã số học phần: **0101007018**

2.13.3. Số tín chỉ: 3(0,3,6)

2.13.4. Trình độ: **Dành cho sinh viên năm thứ 3 chuyên ngành kế toán**

2.14.5. Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input checked="" type="checkbox"/>				
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bổ trợ <input type="checkbox"/>

2.13.6. Điều kiện tiên quyết gồm:

Môn học tiên quyết: Không

Môn học trước: Kế toán tài chính 3

Môn học song hành: Không

2.13.7. Phân bố thời gian chi tiết:

+ Lý thuyết: 0tiết

+ Thực hành/Bài tập: 60tiết

+ Các hoạt động khác: (Thảo luận/Thuyết trình nhóm, bài tập): 0 tiết

+ Tự học: 120tiết

2.13.8. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

Học phần thực hành kế toán tài chính gồm có 3 nội dung chính: Lập chứng từ và ghi sổ sách kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung, hình thức kế toán chứng từ ghi sổ và lập báo cáo tài chính theo quy định hiện hành.

PHẦN 3. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

3.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phải nghiên cứu chương trình đào tạo để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy
- Chuẩn bị đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất để đảm bảo thực hiện tốt chương trình
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên, đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn

3.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy cần phải nghiên cứu nội dung của đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp
- Giảng viên phải chuẩn bị giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên
- Tổ chức cho sinh viên các buổi Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, bài tập lớn. Giảng viên áp dụng phương pháp giảng dạy hiện đại
- Thường xuyên trao đổi với doanh nghiệp để cập nhật kiến thức mới phục vụ cho công tác giảng dạy

3.3. Kiểm tra, đánh giá

- Việc kiểm tra đánh giá học phần là một công cụ quan trọng cần được tổ chức thường xuyên để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Do đó giảng viên phải thực hiện đúng theo quy chế tín chỉ về việc đánh giá, kiểm tra
- giảng viên phải kiên quyết ngăn chặn và chống gian lận trong tổ chức thi cử, kiểm tra và đánh giá

3.4. Đối với sinh viên

- Phải tham khảo ý kiến của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với ngành nghề và kịp với tiến độ đào tạo
- Phải nghiên cứu tài liệu học tập trước khi lên lớp
- Tự giác trong việc học tập, thể hiện tinh thần tự học là chính. Tích cực tham gia học tập theo nhóm, tìm tòi nghiên cứu tài liệu liên quan đến bài giảng
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng internet và trong thư viện của nhà trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và viết đề án tốt nghiệp
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

PHẦN PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TP. HCM, ngày tháng năm 2018

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

TP. HCM, ngày tháng năm 2018

HIỆU TRƯỞNG